**Toán - Tiết PPCT: 24**

**Bài 14 SỐ THẬP PHÂN (tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Phân biệt khái niệm số thập phân (dạng phần trăm); biết đọc, viết số thập phân (dạng phần trăm).

- Thực hiện dược chuyên các phân số thập phân (dạng phần trăm) thành số thập phân (dạng phần trăm) và ngược lại.

- Sử dụng hình ảnh trực quan để biểu diễn số thập phân (dạng phần trăm).

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Máy tính, bài trình chiếu PPT.

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

- Các tờ giấy hình vuông biểu thị $\frac{1}{100}$ và $\frac{23}{100}$ ….

- Bảng cấu tạo số thập phân (dạng phần trăm/sgk trang 38).

**2. Học sinh**

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động** |  |
| **-** GV hướng dẫn HS khởi động theo nhóm: mỗi nhóm một số tờ giấy màu hình vuông 100 ô; được tô màu 1 ô; 12 ô; 25 ô; 50 ô.- GV yêu cầu HS xem tranh, nhận biết các phân số thập phân trong hình vẽ. | - Ví dụ: Trên hình vẽ biểu diễn các phân số $\frac{1}{100}$ ; $\frac{23}{100}$ … |
| - GV nhận xét, tổng kết hoạt động. | - HS nghe. |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới****Mục tiêu: -** Học sinhnhận biết được khái niệm số thập phân (dạng phần trăm); biết đọc, viết số thập phân (dạng phần trăm). |
| **a) Nhận biết số thập phân (dạng phần trăm):** **-** GV cho phân số thập phân $\frac{1}{100}$ , yêu cầu HS làm việc theo nhóm.  | - HS đọc trong nhóm, chia sẻ với bạn: |
|  |  $\frac{1}{100}$ *được viết thành 0,01*  *0,01 đọc là “không phẩy không một”.*  *0,01 =* $\frac{1}{100}$*Số 0,01 gọi là số thập phân.* |
| - GV yêu cầu 1 nhóm chia sẻ trước lớp. | - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp. |
| \* Thực hiện tương tự với phân số thập phân $\frac{23}{100}$ |  $\frac{23}{100}$ *được viết thành 0,23*  *0,23 đọc là “không phẩy hai mươi ba”.*  *0,23 =* $\frac{23}{100}$*Số 0,23 gọi là số thập phân.* |
| **b) GV cho HS quan sát bảng và nhận biết:** |  |
| - GV hướng dẫn HS nhận biết về cấu tạo số thập phân 0,01 và 0,23 qua bảng cấu tạo sgk/38. | - HS lắng nghe. |
| - GV hỏi:+ STP 0,01 gồm mấy phần?  | - HS trả lời:+ STP gồm 2 phần: Phần nguyên và phần thập phân. |
| + Trong số 0,01 thì chữ số 1 thuộc hàng nào? | + Chữ số 1 thuộc hàng phần trăm. |
| + Trong số 0,23 thì chữ số 2 (chữ số 3) thuộc hàng nào? | + Chữ số 2 thuộc hàng phần mười. Chữ số 3 thuộc hàng phần trăm. |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập****Mục tiêu: -** HS rèn kỹ năng chuyển một phân số thập phân thành số thập phân; chuyển một số thập phân thành phân số. |
| **\* Bài 1:****a)** Chuyển phân số thập phân thành số thập phân:- GV hướng dẫn HS tiến hành các thao tác: | - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV: |
| + Quan sát, phân tích mẫu: 3 HS đọc to mẫu. | + HS đọc: Mẫu: $\frac{45}{100}$ = 0,45 |
| + Nhận biết tử số và mẫu số của phân số thập phân; phần nguyên, phần thập phân của số thập phân:  | + HS nêu: Tử số: 45; Mẫu số: 100; STP 0,45 gồm 0 đơn vị; 4 phần mười và 5 phần trăm. |
| + Viết phân số thập phân thành số thập phân. | + HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và thống nhất kết quả theo nhóm đôi:  $\frac{38}{100}$ = 0,38 $\frac{91}{100}$ = 0,91  $\frac{55}{100}$ = 0,55 $\frac{6}{100}$ = 0,06 |
| - GV nhận xét kết quả bài làm của HS. | - HS lắng nghe. |
| **b)** Chuyển số thập phân thành phân số thập phân: | - HS thực hiện: |
| + Quan sát, phân tích mẫu: 3 HS đọc to mẫu. | + HS đọc: Mẫu: 0,08 = $\frac{8}{100}$ |
| + Nhận biết phần nguyên và phần thập phân của STP; tử số và mẫu số của phân số thập phân.  | + Số thập phân 0,08 gồm: 0 đơn vị; 0 phần mười và 8 phần trăm; PSTP có tử số là 8; mẫu số là 100. |
| + Viết số thập phân thành phân số thập phân. | - HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và thống nhất kết quả theo nhóm đôi:  0,04 = $\frac{4}{100}$ 0,62 = $\frac{62}{100}$  0,92 = $\frac{92}{100}$ 0,7 = $\frac{70}{100}$ |
| - GV nhận xét kết quả bài làm của HS. | - HS lắng nghe. |
| **\* Bài 2:**  |  |
| - GV yêu cầu HS đọc đề bài. | - HS đọc. |
| - Gv yêu cầu HS xác định việc cần làm. | - Nêu số thập phân ứng với mỗi vị trí trên tia số. |
| + Đọc các số ở phía trên của tia số sau đó đọc các số ở phía dưới của tia số. | - HS bài cá nhân: HS tự làm bài vào vở BT Toán, 1 HS lên bảng. |
| + Xác định: mỗi vạch nhỏ ứng với 0,01 hay $\frac{1}{100}$ đơn vị. |  |
| + Nêu số thích hợp ứng với mỗi vị trí A, B, C, D trên tia số. |  |
|  | - Chữa bài trên bảng và thống nhất kết quả: A - 0,15 B - 0,28 C - 0,66 D - 0,83 |
| - GV nhận xét kết quả bài làm của HS. |  |
| **D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm.****Mục tiêu: -** HS phát triển năng lực tư duy toán học thông qua bài toán liên quan đến lưới ô vuông. |
| **\* Bài 3:**- GV yêu cầu HS đọc đề bài: 2 HS đọc to. | - HS đọc. |
| - Gv yêu cầu HS xác định việc cần làm. | - Em lấy hai tờ giấy, mỗi tờ gồm 100 ô vuông. - Tô màu để biểu diễn số thập phân 0,25 ; 0,6 rồi dán vào vở. |
| - GV hướng dẫn HS chuẩn bị 2 tờ giấy theo yêu cầu của bài để tô màu. | - HS lắng nghe. |
| **\* Củng cố, dặn dò**GV hỏi: *Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?*  | - Em biết đọc, viết số thập phân dạng phần trăm. |
|  | - Em biết chuyển phân số thập phân thành số thập phân và ngược lại. |
|  | - Em biết biểu diễn số thập phân dạng phần trăm trên tia số và hình vẽ. |
| - GV dặn dò HS về nhà ôn về cách đọc, viết các số thập phân dạng phần trăm vừa được học. | - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................